

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1067/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-11-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trương Ngọc Thanh Nhân**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Thanh Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 891/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Hồng M**, sinh năm 1975

Địa chỉ: 54A/10, ấp 1, xã A, huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: 54A/10, ấp 1, xã A, huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn - Bà Lâm Thị Hồng M trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: tôi và ông H chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2012, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 14/5/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng trong cuộc sống, không còn tình cảm với nhau. Nay tôi thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012.

Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012 đến trưởng thành, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Tại phiên tòa, Bà Lâm Thị Hồng M vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

**Bị đơn - Ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: tôi và ông H chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 14/5/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng trong cuộc sống. Nay tôi không đồng ý ly hôn, vì tôi còn thương vợ và tôi bên công giáo không cho phép ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012.

Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012 đến trưởng thành, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Văn H vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lâm Thị Hồng M khởi kiện xin ly hôn với Ông Nguyễn Văn H, đây là tranh chấp về ly hôn. Ông Nguyễn Văn H cư trú tại huyện B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Lâm Thị Hồng M, Ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Lâm Thị Hồng M, Ông Nguyễn Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Hồng M và Ông Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 14/5/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Bà Lâm Thị Hồng M và Ông Nguyễn Văn H là hợp pháp.

[4] Theo Bà Lâm Thị Hồng M và Ông Nguyễn Văn H đều xác định: vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng trong cuộc sống.

[5] Bà M xác định không còn tình cảm với nhau. Ông H xác định còn thương vợ và bên công giáo không được phép ly hôn.

[6] Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa Bà Lâm Thị Hồng M và Ông Nguyễn Văn H, nhưng hòa giải không thành.

[7] Căn cứ vào Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.*

[8] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

[9] Xét thấy, bà M không còn tình cảm với ông H là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, bà M và ông H không còn hòa hợp, bất đồng trong cuộc sống.

[10] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm Thị Hồng M về việc yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Văn H.

[11] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012 có nguyện vọng được sống chung với bà M.

[12] Xét quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012 đến trưởng thành; ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012 đến trưởng thành.

[13] Về tài sản chung: Bà M, ông H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Về nợ chung: Bà M, ông H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0079929 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Lâm Thị Hồng M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm Thị Hồng M về việc yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Hồng M được ly hôn với Ông Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2012, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 14/5/2012 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012.

Chấp nhận yêu cầu của bà M về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012 đến trưởng thành.

Giao con Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phúc Hải H1, sinh năm 2012 đến trưởng thành.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà M, ông H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

1.4. Về nợ chung: Bà M, ông H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Bà Lâm Thị Hồng M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0079929 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Lâm Thị Hồng M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Hải**